TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST Ngày: 29 – 9 – 2020 V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phí Đức G, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phí Đức G trình bày:

Ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đến năm 1999 ông G và bà T chuyển từ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk cũ (nay là phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông) sinh sống. Đến

tháng 10/2010 ông G và bà T chuyển từ tổ dân phố 3, phường N đến sinh sống tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố G. Trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông G và bà T cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Ông G và bà T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay ông G nhận thấy tình cảm giữa ông và bà T không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, nên ông G yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông G với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Các con chung Phí Thị Th, sinh ngày 20/10/1989, Phí Thị Lan A, sinh ngày 19/4/1997 và Phí Hậu G, sinh ngày 17/4/1998 đều đã trên 18 tuổi nên ông G không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Phí Đức G không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T thống nhất với lời trình bày của ông Phí Đức G về việc bà T và ông G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Về con chung: Do các con chung của bà T và ông G đã trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết chia một số tài sản chung của bà T và ông G trong thời gian chung sống, tuy nhiên quá trình giải quyết bà T không làm thủ tục yêu cầu phản tố và làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà T tại các phiên họp công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phí Đức G; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T; về con chung và tài sản chung: Ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phí Đức G và bị đơn bà Nguyễn Thị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Phí Đức G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T nên quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống đến năm 2017 giữa ông G và bà T đã phát sinh mâu thuẫn, kéo dài từ đó cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G và bà T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông G và bà T đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Qua xác minh trên thực tế, ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xét thấy, ông G và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Các con chung Phí Thị Th, sinh ngày 20/10/1989, Phí Thị Lan A, sinh ngày 19/4/1997 và Phí Hậu G, sinh ngày 17/4/1998 đều đã trên 18 tuổi và các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phí Đức G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phí Đức G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Phí Đức G và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí Ông Phí Đức G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Hồng H đã nộp thay ông Phí Đức G theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002191 ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Lê Xuân Diệu